

## KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

### QUYỂN 3

#### Phẩm 21: LÃO MẠO

##### Thí dụ 42:

Thuở xưa Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ thọ nước Xá-vệ. Một hôm, thọ thực xong, Đức Phật thuyết pháp lành cho các hàng trời người, quốc vương, thần dân bốn bộ đệ tử. Lúc ấy, có bảy vị trưởng lão Bà-la-môn từ xa đến chỗ Phật đảnh lễ, chấp tay bạch:

–Chúng con ở xa, từ lâu nghe danh giáo hóa của Bạc Thánh Nhân muốn đến quy mạng. Song vì nhiều duyên trở ngại, mãi đến hôm nay mới được chiêm ngưỡng tôn dung. Chúng con xin được làm đệ tử, tu học chấm dứt các khổ.

Đức Phật chấp nhận cho các vị ấy xuống tóc làm Sa-môn và dạy ở chung một phòng. Nhưng bảy vị ấy gặp được Thế Tôn cho là có thể đảm bảo đắc đạo, không lo tư duy vô thường, ngồi chung trong phòng chỉ nghĩ việc đời hoặc trò chuyện cười đùa với nhau chẳng để ý đến chuyện nên hư. Họ không biết mạng sống của mình chẳng còn bao lâu, tâm ý mê mờ bởi những buộc ràng trong ba cõi.

Đức Phật với Tam đạt trí biết mạng sống của bảy vị ấy sắp hết. Ngài thương xót bèn đến phòng họ bảo:

–Các ông học đạo nên cầu giải thoát, sao lại cười đùa lớn tiếng như vậy. Tất cả chúng sinh đều cậy vào năm việc. Đó là những việc gì?

1. Cậy vào tuổi trẻ.
2. Cậy vào sắc đẹp.
3. Cậy vào sức mạnh.
4. Cậy vào tài sản giàu có.
5. Cậy vào dòng họ sang quý.

Các ông thì thầm nói chuyện, cười cợt lớn tiếng là cậy vào điều gì?

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Sao lại vui cười*

*Hãy nhớ thiêu đốt  
Che lấp tối tăm  
Chi bằng cầu định.  
Thấy thân tốt đẹp  
Dựa cho là an  
Tham đưa đến khổ  
Đâu biết vô thường.  
Già sắc suy hao  
Thân bệnh tiêu tụy  
Da nhăn, thịt nhão  
Cái chết cận kề.  
Thân chết thân đi  
Như ngồi xe hỏng*

*Xương thịt rã rời  
Đâu nương thân được!*

Đức Phật nói kệ xong, bảy vị Tỳ-kheo giác ngộ, không còn vọng tưởng, chứng A-la-hán ngay trước Phật.

M

Thí dụ 43:

Thuở xưa Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ, vì hàng trời người, để vương thuyết pháp. Lúc ấy, có một thôn Bà-la-môn gồm hơn năm trăm gia đình. Thôn ấy có năm trăm thiếu niên học pháp thuật Bà-la-môn, tánh tình kiêu ngạo cống cao bất kính với các bậc Trưởng lão. Một hôm, năm trăm vị ấy bàn luận với nhau:

–Sa-môn Cù-đàm tự xưng là Phật, đủ Tam minh trí tuệ, không ai dám luận biện. Chúng ta thử mời ông luận nghị, cất vấn mọi điều xem sao?

Nói xong, họ bèn lo sắp xếp đầy đủ mọi chuyện, đi mời Đức Phật về làng.

Đức Phật nhận lời, cùng các đệ tử đến thôn Bà-la-môn. Sau khi đã an tọa, các Bà-la-môn bèn dâng nước rửa tay, rồi thiết trai thỉnh Phật và đệ tử thọ dụng. Thọ trai xong họ lại mang nước đến cho Đức Phật và đại chúng rửa tay, mọi việc rất chu đáo.

Lúc ấy, có hai vợ chồng Bà-la-môn già đang đi xin giữa thôn, Đức Phật biết ông Bà-la-môn đó giàu có vô số, từng làm quan lớn. Ngài bèn hỏi các Bà-la-môn này:

–Các người có biết vị Bà-la-môn lớn tuổi kia không?

Mọi người đều đáp:

–Có biết.

Đức Phật lại hỏi:

–Ông ta trước đây là người như thế nào?

Đáp:

–Ông ấy vốn là quan lớn, tài sản nhiều vô số.

Hỏi:

–Vậy sao ngày nay ông ta phải đi ăn xin?

Đáp:

–Do ông ăn xài hoang phí, không có độ lượng nên phải chịu nghèo.

Đức Phật bảo:

–Này các Bà-la-môn, trên đời có bốn việc mà người ta khó mà làm theo. Nếu biết làm theo thì sẽ được phước, không bị nghèo cùng như vậy. Bốn việc đó là gì?

1. Tuổi trẻ khỏe mạnh, cẩn thận chớ nên kiêu mạn.

2. Tuổi già siêng năng, không có tham dâm.

3. Có tiền bạc châu báu thường nghĩ bố thí.

4. Theo thầy học tập, biết nghe nhận lời chân chánh.

Vị Bà-la-môn lớn tuổi không thực hành theo bốn việc trên. Đây gọi là biết xét đến lẽ thành bại, nên một mai phải chịu tán gia bại sản. Ví như con chim học già đứng cạnh giữa ao trống, không kiếm chác được chút gì.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Trẻ lười, kiêu mạn  
Già chẳng bỏ dâm  
Có của không thí*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Lời Phật chẳng nghe  
Có bốn điều ngăn  
Ai có, họa đến  
Than ôi! già đến  
Theo đó tiêu tụy.  
Tuổi trẻ như ý  
Đến già bị khinh  
Không tu phạm hạnh  
Của chẳng còn gì.  
Già như chim hộc trắng  
Canh giữ ao không  
Đã không giới hạnh  
Của cải: trắng tay.  
Già khí lực suy  
Nghĩ lại sao kịp.  
Già như lá thu  
Dơ rách hạnh tu  
Mạng sống qua mau  
Hối hận nào kịp.*

Đức Phật lại bảo các Bà-la-môn:

–Trên đời có bốn khoảng thời gian mà ta có thể hành đạo, có phước đắc độ, tránh khỏi các khổ. Đó là bốn thời điểm nào?

1. Lúc trẻ có sức khỏe, oai thế.
2. Lúc giàu sang có tài sản.
3. Lúc gặp được Tam bảo phước điền.
4. Lúc quán xét được lẽ vô thường của vạn vật.

Nếu vào bốn thời điểm trên, biết nỗ lực làm việc, tiến tu thì sẽ thành tựu mọi sở nguyện, chứng đắc đạo quả.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Ngày đêm mạng gần giảm  
Nên tinh tấn kịp thời  
Thế gian vô thường lắm  
Đừng mê đọa tối tăm.  
Hãy thắp sáng ý thức  
Huấn luyện mình, cầu tuệ  
Thanh tịnh, lìa trần cấu  
Cầm đuốc soi đường mê.*

Lúc Đức Phật đang nói, hào quang phóng ra chiếu khắp trời đất. Năm trăm vị Bà-la-môn thiếu niên nhân đó tâm ý khai mở, lông tóc dựng đứng, cùng nhau đánh lễ dưới chân Phật, bạch:

–Chúng con xin quy mạng với Đức Thế Tôn, xin hãy nhận chúng con làm đệ tử.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Hãy lại đây các Tỳ-kheo.

Các vị ấy liền trở thành Sa-môn, chứng đắc đạo quả A-la-hán. Kẻ lớn người nhỏ trong làng đều ân triêm pháp nhũ, thấy được đạo, ai cũng hoan hỷ.

M

Phẩm 22: ÁI THÂN

Thí dụ 44:

Thuở xưa, có một nước tên là Đa-ma-la. Cách kinh thành bảy dặm có một ngôi tinh xá. Đây là nơi tu học hành đạo của năm trăm vị Sa-môn. Trong đó có một vị Trưởng lão Tỳ-kheo tên là Ma-ha-lư, tâm tánh ám độn, được năm trăm vị Tỳ-kheo dạy bảo, vậy mà suốt mấy năm liền không nhớ được một bài kệ. Trong chúng ai cũng khinh khi, không thèm ở chung. Do vậy vị trưởng lão Tỳ-kheo ấy chỉ coi giữ tinh xá, được sai bảo quét dọn trong ngoài.

Một hôm, vua cung thỉnh các thầy Tỳ-kheo vào cung cúng dường. Tỳ-kheo Ma-ha-lư tự nghĩ: “Ta sinh ra ngu độn, một bài kệ cũng không biết bị người khinh khi, vậy sống có ích gì?”. Nghĩ xong, ông mang dây ra gốc cây sau vườn định treo cổ tự tử. Đức Phật với đạo nhân ở xa thấy việc như vậy, bèn hóa ra vị Thần cây, hiện nửa thân người can ngăn:

–Này Tỳ-kheo kia, sao lại làm thế.

Ma-ha-lư liền trình bày nỗi khổ tâm của mình.

Thọ thần quả trách:

–Ông không nên làm như vậy, hãy nghe lời ta. Thuở Đức Phật Ca-diếp tại thế, ông là vị Tam tạng Pháp sư có năm trăm đệ tử. Song vì ỷ mình thông minh, khinh chê kẻ khác, lại lẫn tiếc kinh nghĩa không chịu dạy bảo cho người, cho nên về sau đời đời sinh ra chỗ nào các căn cũng đều ám độn. Vì vậy ông chỉ nên tự trách mình, mà không nên tự sát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền hiện lại thân tướng quang minh, hào quang tỏa chiếu, rồi nói kệ:

*Người biết quý thân*

*Cẩn thận giữ gìn  
Mong trừ các dục  
Học đạo chẳng mê.  
Kẻ trí quý thân  
Luôn gắng tu học  
Siêng hành giáo hóa  
Tu thân không mệt.  
Trước phải sửa mình  
Sau mới độ chúng  
Điều thân nhập tuệ  
Vượt kẻ phàm tình.  
Mình chưa lợi ích  
Đâu nên lợi ích người  
Tâm thuần, hạnh thẳng  
Nguyện chắc thành tựu.  
Nếu trước gây tạo  
Sau phải chịu quả  
Làm ác phải trả*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Như dùi ngọc khéo.*

Tỳ-kheo Ma-ha-lư thấy hào quang của Đức Phật, vui buồn lẫn lộn, xen lẫn sợ sệt vội cúi mình làm lễ dưới chân Phật. Ông tư duy nghĩa lý bài kệ này rồi thoát nhiên nhập định, chứng quả A-la-hán ngay trước Đức Phật. Ông liền biết được mọi việc trong vô số kiếp quá khứ của mình, ba tạng kinh điển nhớ lại nằm lòng.

Đức Phật lại bảo:

–Này Ma-ha-lư, ông hãy đắp y mang bát vào cung vua thọ trai, ngồi trên năm trăm vị Tỳ-kheo. Năm trăm vị ấy vốn là đệ tử ông đời trước. Sau đó ông thuyết pháp cho họ được chứng đạo quả và khiến cho nhà vua tin hiểu được tội phước.

Ma-ha-lư liền vâng lời Phật dạy, đi thẳng vào cung, ngồi ở tòa trên. Mọi người ai cũng bực mình, lấy làm lạ trước việc như thế. Song vì họ chưa biết ý vua như thế nào, nên không dám khiển trách. Họ chỉ nghĩ ông này thật ngu tối bất thông, sao kham nổi việc thuyết pháp. Thọ trai xong, vua dọn dẹp thức ăn xuống, tự tay rót nước mời chư Tỳ-kheo.

Lúc ấy, Ma-ha-lư liền vì đại chúng thuyết pháp, thanh âm hùng dũng như sấm, lời lẽ thanh tao tuôn chảy như mưa. Các Tỳ-kheo nghe qua cũng giật mình kinh sợ, hối hận vì đã nghĩ sai về ông. Các Tỳ-kheo nhân đó liền chứng quả A-la-hán. Nhà vua và bá quan được nghe giảng giáo pháp một cách rõ ràng ai cũng chứng được quả Tu-đà-hoàn.

M

Thí dụ 45:

Thuở Đức Phật còn tại thế, trong nước Xá-vệ có năm trăm vị Bà-la-môn luôn tìm Phật để phỉ báng. Đức Phật với trí tuệ tam minh, thông hiểu hết tâm tánh của chúng sinh. Ngài thương xót muốn độ cho họ. Thật ra, quả chưa chín là do nhân duyên chưa đủ. Tất cả tội phước xảy đến chẳng qua do mình tự tạo nhân duyên rồi tự nhận lấy quả báo. Những vị Bà-la-môn này ngày nay đáng được độ là nhờ chút phước làm đời trước. Nhờ phước đức mới khiến họ được gặp duyên lành.

Lúc ấy năm trăm vị Bà-la-môn cùng nhau bàn:

–Chúng ta nên xúi tên đồ tể giết hại sinh vật đến thỉnh Phật và chư Tăng đến nhà cúng dường. Phật ắt nhận lời và tán thán tên đồ tể. Chúng ta sẽ ra trước Phật chỉ trích chuyện này.

Bấy giờ, người đồ tể đến thỉnh Phật. Đức Phật hứa khả và nói với anh ta:

–Trái chín sẽ tự rụng, phước đến sẽ được độ.

Người đồ tể trở về lo chuẩn bị bữa cúng dường. Đức Phật cùng các đệ tử vào xóm đồ tể đến nhà người thí chủ này. Các Bà-la-môn thấy thế đều mừng rỡ, cho là hôm nay đã nắm được nhược điểm của Phật. Nếu Đức Phật tán thán phước đức của thí chủ thì họ sẽ đem đầu đuôi việc sát sinh của người đó ra chê bai. Nếu Đức Phật nói nguyên nhân của tội lỗi thuở xưa, họ sẽ đem phước đức của ngày hôm nay ra vấn nạn. Cả hai đường đều bất bẻ được, nên ai nấy đều lấy làm đắc ý.

Sau khi đến nhà đàn-việt, an tọa, rửa chân tay, thọ trai xong, Đức Phật quán sát tâm tánh của mọi người thấy rằng có thể độ được, liền hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng hào quang chiếu sáng khắp cả thành, rồi dùng phạm âm nói kệ chú nguyện:

*Người sống theo lẽ đạo*

*Y giáo, chẳng lãng xao*

*Kẻ ngu đại đố kỵ*

*Thấy vậy, ác hại nhau.*

*Gieo giống đắng, quả đắng*

*Nhân ác, nào tránh được?*

*Làm ác chịu tội khổ*

*Tu thiện hưởng phước lành.*

*Thiện ác kết quả riêng*

*Nhân quả lý đương nhiên*

*Làm thiện sẽ được thiện*

*Gieo giống ngọt: vui yên.*

Đức Phật nói kệ xong, năm trăm vị Bà-la-môn tâm ý khai ngộ liền đến trước Đức Phật phủ phục sát đất đánh lễ, rồi chấp tay thưa:

–Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con là những kẻ ngu si ngoan cố, trước giờ chưa hiểu được lời dạy của Bậc Thánh. Nay xin Ngài hãy Từ bi nhận chúng con làm Sa-môn.

Đức Phật hứa khả. Năm trăm vị đó xuất gia thành Tỷ-kheo. Già trẻ trong xóm làm nghề đồ tể thấy thần thông của Đức Phật ai cũng hoan hỷ, đều được đạo quả. Từ đó người trong xóm được xưng là bậc Hiền thánh không còn tên gọi đồ tể nữa. Đức Phật thọ trai xong, trở về tinh xá.

Phẩm 23: THẾ TỤC

Thí dụ 46:

Thuở xưa, có một vị vua dòng Bà-la-môn tên là Đa Vị Tả, phụng thờ chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Bỗng một hôm vua phát khởi thiện tâm, muốn làm việc bố thí theo pháp Bà-la-môn. Vua cho chất của thất bảo nhiều như núi, rồi đem ra bố thí. Người nào đến xin được phép lấy một nắm thất bảo. Vua bố thí như vậy mấy ngày mà số châu báu không giảm.

Đức Phật biết vị vua này được phước duyên đời trước có thể hóa độ. Ngài liền hóa thành một vị Bà-la-môn đến nước đó. Vua thấy Bà-la-môn đến liền ra đón tiếp. Sau khi chào hỏi xong, vua bèn đứng dậy nói:

–Ngài có yêu cầu gì xin cứ nói ra, chớ có nghi nan.

Vị Bà-la-môn thưa:

–Tôi từ xa đến, muốn xin châu báu để xây cất nhà cửa.

Vua đáp:

–Tốt lắm, ông hãy tự bốc lấy một nắm châu báu rồi đi.

Bà-la-môn liền bốc lấy một nắm. Ông đi bảy bước rồi quay lại trả về chỗ cũ. Vua hỏi:

–Sao ông không lấy?

Vị Bà-la-môn đáp:

–Bao nhiêu đây chỉ đủ xây nhà cửa thôi, nếu dùng để cưới vợ thì lại không đủ.

Cho nên tôi không lấy.

Vua nói:

–Vậy ông hãy lấy ba nắm châu báu.

Vị Bà-la-môn liền y lời lấy ba nắm. Song ông cũng chỉ bảy bước, rồi quay lại trả.

Vua hỏi:

–Vì sao ông trả lại?

Vị Bà-la-môn đáp:

–Bao nhiêu đây chỉ đủ xây nhà, cưới vợ, xong còn ruộng đất, nô tỳ, trâu ngựa thì không đủ để sắm. Vì vậy tôi không lấy.

Vua bảo:

–Vậy ông hãy lấy bảy nắm châu báu.

Vị Bà-la-môn lấy bảy nắm châu báu ra đi. Song cũng chỉ bảy bước, rồi trở lại trả.

Vua hỏi:

–Sao lại như vậy?

Vị Bà-la-môn đáp:

–Nếu có con trai con gái, phải dựng vợ, gả chồng cho nó, chi phí mọi chuyện tính ra số châu báu trên không đủ chi dùng, cho nên không nên lấy.

Vua bảo:

–Vậy ông lấy hết số châu báu này chi dụng cho những việc trên.

Vị Bà-la-môn nhận lấy rồi đem lại chỗ cũ. Vua vô cùng ngạc nhiên, hỏi ông tại sao.

Vị Bà-la-môn thưa:

–Xưa nay kẻ ăn xin là để kiếm sống. Song xét kỹ ra, mạng người ở đời nào có bao lâu, vạn vật vô thường sớm còn tối mất. Nhân duyên càng nặng, ngày khổ lụy càng dài,

của cái chứa đầy như núi không ích chi cho mình. Tham dục mưu đồ danh lợi uổng tự chuốt lấy khổ đau. Sao bằng dứt tâm tham cầu, học đạo vô vi. Tôi vì suy nghĩ như vậy cho nên không lấy.

Vua nghe được những lời này, tâm ý bỗng nhiên khai ngộ, nguyện vâng theo lời dạy sáng suốt này.

Lúc đó vị Bà-la-môn hiện lại thân Phật, quang minh rực rỡ, bay vọt lên trụ giữa hư không vì vua nói kệ:

*Dù đời đầy trân bảo  
Chất đến tận trời cao  
Vẫn không bằng thấy đạo  
Giàu sang sánh được nào!  
Bất thiện tưởng là thiện  
Ái ngữ là không ái  
Lại lấy khổ làm vui  
Chỗ kẻ ngu bị hại.*

Bấy giờ quốc vương thấy hào quang Đức Phật chiếu khắp đất trời, lại nghe bài kệ này nên vô cùng hoan hỷ. Vua và quần thần liền thọ Ngũ giới, đắc quả Tu-đà-hoàn.

## M

### Phẩm 24: THUẬT PHẬT

#### Thí dụ 47:

Thuở xưa, Đức Phật ngồi dưới cội cây Bồ-đề, hàng phục chúng ma, chứng thành đạo quả nơi đạo tràng Thiện thắng nước Ma-kiệt-đề. Ngài tự tư duy: “Chánh pháp cam lộ ngày nay đã thấm nhuần khắp tam thiên thế giới. Nhớ thuở xưa, lúc Ta còn đang tu khổ hạnh, phụ vương đã sai năm người cúng dường các thứ ngũ cốc và hầu hạ Ta rất có công lao. Nay Ta nên trả ân cho họ.”

Năm vị ấy hiện nay đang ở nước Ba-la-nại. Cho nên Đức Như Lai đứng dậy rời khỏi tòa đi đến nước đó. Đức Như Lai với tướng hảo trang nghiêm, từ quang tỏa chiếu khắp đất trời, oai thần chấn động, khiến ai cũng sinh lòng hoan hỷ. Trên đường đi, Ngài gặp một Bà-la-môn tên là Ưu Hộ. Ông này đã từ bỏ quyến thuộc, gia đình đang tìm thầy học đạo. Ông trông thấy tôn dung vi diệu của Đức Thế Tôn vừa kinh ngạc vừa hoan hỷ, dừng lại bên đường, cất tiếng khen:

–Vị ấy đức độ cảm người, oai nghi đỉnh đạc, không biết theo học với vị thầy nào mà được nghi dung như thế?

Đức Phật nghe vậy, liền đọc lên một bài kệ để trả lời:

*Tự giác Bát chánh đạo  
Nơi đời, không ô nhiễm  
Phá lười dục, dứt ái  
Ta không học với ai.  
Hạnh Ta không thầy dạy  
Chí Ta khác mọi người  
Duy nhất được thành Phật  
Từ đây đường Thánh mở.*



## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Ưu Hộ nghe kê bỗng thấy buồn bã, hỏi Đức Thế Tôn định đi về đâu. Ngài đáp:

–Ta định đến nước Ba-la-nại chuyển Vô thượng pháp luân, đem giáo pháp cam lộ lợi ích cho chúng sinh. Trong ba cõi chưa từng có ai chuyển đại pháp luân giúp chúng sinh thể nhập Niết-bàn như Ta hiện nay.

Bà-la-môn Ưu Hộ nghe vậy mừng rỡ nói:

–Lành thay! Lành thay! Nếu đúng như lời Ngài nói, sau này rảnh rồi tôi sẽ đến nghe pháp mầu.

Vị Bà-la-môn nói xong vòng tay chào Phật rồi bỏ đi. Trên đường đến chỗ thầy học đạo, ông tá túc tại một nơi ngủ qua đêm. Đêm đó ông bỗng nhiên qua đời. Đức Phật dùng đạo nhãn thấy rõ việc này rất thương xót nói:

–Thế gian ngu si cho là mạng sống trường tồn, gặp được Phật lại bỏ đi, kể chi mất mạng. Trọng pháp vang rền mà họ không được nghe. Vị cam lộ diệt khổ mà họ không được nếm. Do đó, vòng sinh tử cứ tiếp nối vô tận, trôi lăn mãi trong năm đường, không biết kiếp nào họ mới được độ.

Kể đó, Đức Phật từ mẫn nói kê:

*Ngộ chân lý, thanh tịnh  
Thoát khỏi vòng sinh tử  
Phật ra đời soi sáng  
Trừ ưu khổ hữu tình.  
Khó thay, sinh làm người  
Khó thay, được sống thọ  
Khó thay, đời gặp Phật  
Khó thay, được nghe pháp.*

Lúc Đức Phật nói kê này, năm trăm chư Thiên giữa hư không được nghe pháp mầu vô cùng hoan hỷ, chứng được quả Tu-đà-hoàn.

## M

### Phẩm 25: AN NINH

#### Thí dụ 48:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại thành La-duyệt-kỳ. Cách phía Đông nam thành này ba trăm dặm, có một làng dân sơn cước, gồm hơn năm trăm gia đình. Dân làng này tánh tình cứng cỏi khó có thể giáo hóa. Song nhờ họ có phước duyên đời trước nên nay mới được Phật độ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hóa làm một vị Sa-môn đến làng đó khát thực. Khất thực xong, Ngài ra ngoài làng đến ngồi dưới một cội cây nhập vào định Nê-hoàn, không thở, không động đậy suốt bảy ngày. Người làng thấy vậy cho là đã chết, nên bảo với nhau: “Ông Sa-môn này đã chết chúng ta nên đem chôn cất.” Do đó, họ mang củi đến để thiêu. Sau khi củi tắt hết Đức Phật từ chỗ ngồi đứng dậy hiện thân thông giáo hóa, quang minh tỏa chiếu chuyển động mười phương. Hiện thân thông xong, Ngài lại ngồi xuống chỗ cũ, dung mạo an định, từ hòa. Người trong làng nhỏ ai cũng hết sức kinh sợ vội dập đầu tạ lỗi:

– Người sơn dã chúng con ngu độn, không biết là Thần nhân đã càn rỡ đem củi đến thiêu Ngài khi còn sống. Chúng con tự nghĩ tội mình nặng hơn núi Thái sơn. Xin Ngài hãy Từ bi tha thứ đừng oán trách. Không biết Thần nhân có an lành không? Có

buồn lo, đói khát, nóng bức chẳng?”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ hòa mỉm cười nói kệ:

*Ta đã an tịnh  
Không có oán hờn  
Giữa người hờn oán  
Ta không oán hờn.  
Ta đã an tịnh  
Không còn bệnh nã  
Giữa người bệnh hoạn  
Ta không nã bệnh.  
Ta đã an tịnh  
Không còn lo buồn  
Giữa người lo buồn  
Ta không buồn lo.  
Ta được an tịnh  
Thanh tịnh vô vi  
Hưởng vị an lạc  
Như trời Quang âm.  
Ta đã an tịnh  
Vô sự và lặng trong  
Dầu lửa thế gian  
Không thiêu Ta được.*

Lúc đó, năm trăm người dân trong làng nghe kệ xong đều xin làm Sa-môn, tu chứng được quả A-la-hán. Người trong làng lớn nhỏ đều tin Tam bảo. Đức Phật cùng năm trăm vị Sa-môn này bay về tinh xá Trúc lâm. Hiền giả A-nan thấy Đức Phật và các vị A-la-hán cùng đến vội ra trước Phật bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, những vị Tỳ-kheo này có phước đức gì đặc biệt mà được Đức Thế Tôn đích thân đến hóa độ.

Đức Phật bảo:

–Này A-nan, thuở Ta chưa thành Phật, có một vị Bích-chi-phật trú tại núi đó. Một hôm vị ấy ngồi dưới một cội cây cách làng không xa định nhập Niết-bàn. Vị ấy hiện thần thông xong liền nhập diệt. Người trong làng mang củi lửa đến để thiêu, rồi gom lấy xá-lợi đựng trong bình báu chôn trên đỉnh núi. Mọi người cùng nhau nguyện đời sau được đắc đạo, có thể an lạc diệt độ như vị Sa-môn này. Nhờ nhân duyên phước đức đó mà ngày nay họ có thể đắc đạo và Đức Như Lai mới đích thân đến để độ họ.

Đức Phật nói xong, vô số trời người nhân đó được đắc đạo quả.

## M

### Thí dụ 49:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có bốn vị Tỳ-kheo ngồi dưới một cội cây cùng bàn với nhau về việc trên đời này, cái gì khổ nhất. Một người nói:

–Cái khổ trong đời không gì hơn dâm dục.

Một người khác nói:

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Sân hận mới là cái khổ lớn nhất.

Người thứ ba bảo:

–Đói khát là cái khổ lớn nhất.

Người còn lại bảo:

–Kinh sợ mới là cái khổ lớn nhất.

Vì bất đồng ý kiến, họ cứ tranh luận mãi với nhau về ý nghĩa của chữ khổ không dứt.

Đức Phật biết việc này bèn đến đó hỏi:

–Các ông đang tranh luận với nhau về việc gì?

Các Tỳ-kheo liền đứng dậy làm lễ, trình bày những điều đang bàn luận.

Đức Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo, các ông đang bàn luận chưa cùng tột hết ý nghĩa của chữ khổ. Cái khổ trong đời không gì hơn có thân. Tất cả việc đói khát, nóng lạnh, sân hận, kinh sợ, sắc dục, oán họa đều do có thân. Thân là gốc cái khổ, nguồn tai họa, gây nên lao tâm mệt trí, lo sợ đủ điều. Vì nó mà chúng sinh trong tam giới máy cựa tàn hại lẫn nhau. Chấp ngã buộc ràng, sinh tử không dứt đều do nơi thân. Vì vậy muốn xa lìa được cái khổ trong đời phải cầu tịch diệt. Nếu nhiếp tâm giữ gìn theo đạo chánh, không khởi những vọng tưởng sai lầm có thể đạt được Niết-bàn. Đây chính là chỗ vui nhất.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Nóng không gì hơn dâm*

*Độc không gì hơn giận*

*Khổ không gì hơn thân*

*Vui, Niết-bàn trên hết.*

*Không ham mê vui nhỏ*

*Luận nhỏ và tuệ nhỏ*

*Xét tìm điều to lớn*

*Mới được an lạc lớn.*

*Ta là Bạc Thế Tôn*

*Giải thoát không ưu não*

*Đi thẳng qua ba cõi*

*Hàng phục được chúng ma.*

Đức Phật nói kệ xong, bảo các Tỳ-kheo:

–Cách đây vô số kiếp về thuở quá khứ, có một vị Tỳ-kheo đã đắc ngũ thông tên là Tinh Tấn Lực tu tịch tịnh dưới gốc cây trong núi cầu đắc đạo. Lúc ấy có bốn loại chim thú nương theo bên cạnh, nên cũng được an ổn. Đó là bồ câu, quạ, rắn độc và nai. Bốn con này ban ngày đi kiếm ăn, đêm lại trở về một chỗ. Có một đêm bốn con lại tự hỏi với nhau: “Trong đời điều gì là khổ nhất?”. Quạ bảo: “Đói khát là khổ nhất, vì đói khát thân yếu mất mồi, tinh thần bất an, lao mình vào lưới, không ngại gươm đao. Chúng tôi sợ dĩ mất mạng do đây mà ra. Vì vậy nên đói khát là khốn khổ nhất.”

Chim bồ câu nói: “Dâm dục là khổ nhất. Sắc dục lừng lẫy che mờ tâm tánh. Nó khiến người ta bị nguy thân mất mạng.”

Rắn độc bảo: “Nóng giận là khổ nhất. Ý độc ác vừa dấy khởi thì không kể gì thân sơ, có thể giết người cũng có thể giết mình.”

Nai nói: “Sợ hãi là khổ nhất. Bọn tôi đi trong rừng hoang tâm luôn bất an, sợ gặp thợ săn và lũ sài lang. Hơi nghe động dậy đã phóng mình chạy, có lúc phải sa xuống hố,

nên mẹ con phải bỏ nhau, sợ nát gan vỡ mật. Do đó sợ hãi là khổ nhất.”

Vị Tỳ-kheo đó nghe vậy liền bảo với bọn chúng: “Chỗ các người bàn luận chỉ là ngọn ngành, mà chưa xét đến được cái gốc của khổ. Cái khổ trong đời không có gì hơn thân. Thân là món đồ chứa khổ, lo sợ vô lượng. Ta vì lẽ này mà xả tục học đạo, điều phục vọng tưởng, không tham chấp tứ đại. Muốn chấm dứt gốc khổ phải để tâm nơi Niết-bàn. Đạo Niết-bàn vắng lặng không hình, mãi mãi không có ưu hoạn, là chỗ đại an lạc.”

Bốn con vật nghe xong, tâm ý mở tỏ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vị Tỳ-kheo ấy chính là Ta ngày nay. Bốn con vật thuở đó chính là bốn vị các người. Đời trước các vị đã từng nghe được ý nghĩa của gốc khổ, sao hôm nay lại còn tranh cãi như thế!

Các Tỳ-kheo nghe xong hổ thẹn tự trách, đắc quả A-la-hán ngay trước Phật.

## M

### Phẩm 26: HIẾU HỖ

#### Thí dụ 50:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ. Lúc ấy, có bốn vị tân học Tỳ-kheo đưa nhau đến một gốc cây nài để tọa thiền hành đạo. Cây nài đang mùa nở hoa, sắc hoa tươi đẹp, hương hoa nồng nàn. Nhân đó bốn vị Tỳ-kheo bàn với nhau về việc vạ vật trên đời, điều gì khả ái, hoan lạc hơn cả?

Một người nói:

–Vào tháng trọng xuân cỏ cây xanh tốt, hoa tươi khoe sắc, nếu được dạo chơi đây đó ngoài đồng nội thật là điều vui nhất.

Người thứ hai nói:

–Bà con hội họp, chén tạc chén thù, tai được nghe âm nhạc, mắt thưởng thức múa ca, đó mới là vui nhất.

Người thứ ba nói:

–Tiền của có thật nhiều, cần gì có nấy. Xe ngựa quần áo, đồ trang sức thật lộng lẫy hơn hẳn mọi người. Ra vào sang trọng khiến mọi người phải trở mắt nhìn. Đó mới thật là vui nhất.

Người thứ tư nói:

–Vợ đẹp, hầu non với lụa là gấm vóc, son phấn ngát hương khiến cho ta có thể mặc tình vui chơi. Đây mới là vui nhất.

Đức Phật biết bốn vị Tỳ-kheo này có thể độ được, chẳng qua thất niệm để tâm ý dong ruổi theo lục dục mà không xét đến lẽ vô thường. Ngài bèn gọi bốn vị đó lại hỏi:

–Các ông ngồi dưới cội cây đang luận bàn chuyện gì?

Bốn vị ấy thành thật kể lại hết những điều đã bàn luận về thú vui.

Đức Phật bảo:

–Những điều các ông bàn luận toàn là con đường đưa đến lo sợ, oán thù, bại vong, không phải là pháp mãi mãi an ổn, tuyệt đối an vui. Các ông phải suy xét rằng vạ vật xuân thì tươi tốt, sang thu đông lại tàn tạ. Bà con sum vầy vui vẻ rồi phải chịu cảnh chia ly. Tài sản xe ngựa là của chung năm nhà. Thê thiếp xinh đẹp là đầu mối yêu ghét. Kẻ phàm phu ở đời cứ luôn chuốc lấy tai họa nguy thân diệt tộc, nên lo sợ dấy dầy. Ba

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đường tám nạn, muôn mối khổ đau đều do đây mà ra. Vì vậy bậc Tỳ-kheo xả tục cầu đạo, chí hướng vô vi không tham danh lợi sẽ tự nhiên đạt đến Niết-bàn. Đây mới chính là chỗ tuyệt đối là an vui.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Ham vui sinh lo*

*Ham vui sinh sợ  
Nếu không ham vui  
Đâu còn lo và sợ.  
Ham lạc sinh lo  
Ham lạc sinh sợ  
Nếu không ham lạc  
Đâu còn sợ lo.  
Tham dục sinh lo  
Tham dục sinh sợ  
Thoát không tham dục  
Đâu còn sợ lo.  
Người được không tham  
Chí thành biết thẹn  
Tu hành gần đạo  
Được người kính yêu.  
Tham dục không khởi  
Nghĩ đúng mới nói  
Tâm không tham ái*

*Cắt dòng sinh tử.*

Đức Phật bảo bốn vị Tỳ-kheo:

–Thuở xưa, có một vị vua tên là Phổ An. Ông kết bạn với bốn ông vua nước lân cận. Một hôm ông mời bốn ông vua bạn sang dự yến tiệc suốt một tháng, với đủ các món ăn uống ngon lạ, các trò giải trí vui vẻ không gì bằng. Đến ngày chia tay, vua Phổ An mới hỏi bốn ông vua bạn rằng: “Người ta sống trên đời cái gì là vui nhất?”

Một ông đáp: “Dạo chơi là vui nhất.”

Ông thứ hai nói: “Thân thuộc hội họp, đàn ca xướng hát là vui nhất.”

Ông thứ ba nói: “Của cải thật nhiều, muốn gì thỏa nấy là vui nhất.”

Ông cuối cùng nói: “Ái dục được mặc tình thỏa mãn là điều vui nhất.”

Vua Phổ An bảo: “Những điều các ông nói là gốc của khổ não, là nguồn của lo sợ, vui trước sau khổ. Sầu bi muôn mối đều do đây mà ra. Chi bằng tịch tĩnh, vô cầu vô dục, đạm bạc thủ đạo là an vui nhất.”

Bốn ông nghe xong vui mừng tin hiểu hết lời tán thán.

Đức Phật bảo bốn vị Tỳ-kheo:

–Vua Phổ An thuở đó chính là Ta ngày nay, còn bốn vị vua bạn là bốn người các ông. Thuở xưa ta đã vì các ông giảng rõ mà nay vẫn chưa thông hiểu. Sinh tử mênh mang biết ngày nào mới chấm dứt!

Bốn vị Tỳ-kheo một lần nữa được nghe pháp nghĩa này, hổ thẹn ăn năn, tâm chợt khai ngộ, vọng tưởng chấm dứt, tham dục không còn, chứng quả A-la-hán.

M

Phẩm 27: PHẢN NỘ

Thí dụ 51:

Thuở xưa, Đức Phật trú trong núi Kỳ-xà-quật tại thành La-duyệt-kỳ. Lúc đó Điều-đạt và vua A-xà-thế bàn nhau tìm cách hại Phật và chúng Tăng. Vua lệnh cho dân chúng không phụng thờ Đức Phật. Chúng Tăng khát thực không được cúng dường. Lúc ấy, các vị Trưởng lão như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Tu-bồ-đề... và các Trưởng lão Ni như Ba-hòa-đề... đều dẫn đệ tử đi đến các nước khác, chỉ còn Đức Phật và năm trăm vị A-la-hán trú tại núi Kỳ-xà-quật.

Ông Điều-đạt đến chỗ vua A-xà-thế bàn:

–Các đệ tử của Phật nay đã tản đi cả, chỉ còn năm trăm vị gần kề. Xin vua ngày mai mời Phật vào thành, tôi sẽ cho năm trăm thớt voi lớn uống rượu say, rồi thả ra để đạp chết Phật và đệ tử, dứt tuyệt mầm mống. Tôi sẽ làm Phật giáo hóa thế gian.

Vua A-xà-thế nghe nói vui mừng đồng ý, liền đến chỗ Đức Phật cúi đầu làm lễ thưa:

–Ngày mai tôi có sắp đặt buổi cúng dường đạm bạc, thỉnh Phật và chúng đệ tử hoan hỷ vào thọ thực trong cung.

Đức Phật tuy biết rõ âm mưu vẫn đáp:

–Lành thay! Sáng mai Ta sẽ đến.

Vua chào ra về, nói lại với Điều-đạt rằng Đức Phật đã nhận lời mời, nên sắp đặt trước cho voi uống rượu say chờ cơ hội ra tay.

Hôm sau, vào giờ thọ thực Đức Phật cùng năm trăm vị A-la-hán đi vào thành. Bỗng một bầy voi say năm trăm con gầm rống cất vòi xông đến, tường vách bị húc đổ, cây cối gãy rạp, người đi đường hãi sợ, cả thành hỗn loạn kinh hoàng. Lúc ấy năm trăm vị A-la-hán liền bay lên hư không, chỉ có A-nan đứng bên cạnh Đức Phật. Bầy voi say xông đến chỗ Phật. Ngài liền giơ bàn tay lên, năm ngón tay tức thời hóa thành năm trăm sư tử chúa, đồng thanh rống lớn chấn động khắp đất trời. Đàn voi say chột khựng lại, quỳ xuống sát đất không dám ngẩng đầu, cơn say dứt hẳn rơi lệ ăn năn.

Trước hiện trạng này vua và thần dân vô cùng kinh ngạc, thán phục.

Đức Thế Tôn khoan thai bước vào cung điện, cùng các vị A-la-hán thọ trai. Thọ trai xong Đức Phật vì vua mà ban lời chú nguyện.

Nhà vua lúc đó mới bạch Phật:

–Con vì tâm tánh u tối mới tin nghe theo lời sàm báng, gây tạo nghịch ác, mưu đồ bất chánh. Xin Ngài hãy rủ lòng Từ bi tha thứ cho sự ngu mê của con.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với vua A-xà-thế và đại chúng: “Trên đời có tám việc gây ra phỉ báng. Xét ra, nó đều do ham danh dự và tham lợi dưỡng mà gây đại tội, muôn kiếp không dứt. Thế nào là tám? Đó là: Lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc. Từ xưa đến nay ít ai không mê hoặc.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Bị người nói xấu*

*Xưa nay vẫn vậy*

*Nói nhiều bị chê*

*Trì độn bị chê*

Vừa phải cũng chê  
Không ai tránh khỏi.  
Phàm phu tham dục  
Không thể công minh  
Chê đó, khen đó  
Chỉ do danh lợi  
Chỉ bậc Minh triết  
Khen đúng hiền tài.  
Người trí giữ giới  
Không chỗ gièm chê  
Như La-hán tịnh  
Không ai vu báng  
Chư Thiên tán thán

*Phạm, Thích kính tôn.*

Đức Phật nói kệ xong, lại kể với vua:

–Thuở xưa có một vị vua thích ăn thịt chim nhạn. Ông sai thợ săn mỗi ngày giăng lưới bắt nhạn, cung cấp một con cho vua ăn.

Một hôm, có con chim nhạn chúa dẫn theo năm trăm con khác bay xuống kiếm ăn. Nhạn chúa xuống lưới, cả đàn hoảng kinh bay vọt trở lên. Song trông thấy nhạn chúa bị bắt, cả đàn cứ bay lượn trên không bịn rịn không chịu bỏ đi. Trong đó có một con bay sát theo nhạn chúa, bất kể cung tên nguy hiểm, thốt ra tiếng kêu bi thương, mồm tứa máu tươi, ngày đêm không ngừng. Thấy tình nghĩa của chim nhạn như vậy, người thợ săn cảm động bèn thả nhạn chúa ra.

Thấy nhạn chúa được thả, cả đàn vô cùng mừng rỡ bay lượn vòng quanh nó.

Lúc ấy người thợ săn tâu lên vua mọi việc. Vua nghe xong rất cảm động, đã từ bỏ ý định ăn thịt nhạn.

Đức Phật kể xong, bảo với A-xà-thế:

–Con chim nhạn chúa thuở đó, chính là Ta ngày nay. Con nhạn bay theo là A-nan. Còn đàn nhạn năm trăm con là năm trăm vị A-la-hán hiện giờ. Ông vua thích ăn thịt chim nhạn chính là vua, còn người thợ săn là Điều-đạt vậy. Ông ấy từ nhiều đời đến nay luôn tìm cách hại Ta. Ta nhờ sức đại từ nên được an ổn. Ta không chấp kể oán nên được thành Phật.

Nghe Đức Phật dạy xong, vua và quần thần ai cũng khai ngộ.

## M

### Phẩm 28: TRẦN CẤU

#### Thí dụ 52:

Thuở xưa, có một người là con một, không anh em. Từ nhỏ anh được mẹ cưng chiều hết lòng lo cho ăn học, mong mỗi sau này anh được nên người. Cha mẹ đưa anh đến các bậc thầy giỏi bạn tốt và khuyên anh gắng học. Song thuở ấy anh lại ngênh ngang ham chơi, không chịu để tâm học hỏi. Anh sáng theo học, chiều đã bỏ, không ngó ngang gì đến sách vở, nên đã bao năm rồi mà dốt vẫn hoàn dốt. Thấy vậy, cha mẹ gọi anh về giao việc trông coi nhà cửa, làm ăn buôn bán.

Song quen thói ăn chơi lêu lổng, không chịu siêng năng làm việc, chẳng bao lâu

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

nhà cửa suy sụp. Riêng anh cứ mặc tình tiêu xài, bán hết lúa thóc, rồi lại bán luôn vật dụng trong nhà để thỏa mãn ý thích của mình. Sống đời nghèo khổ, bê tha như vậy, anh suốt ngày đầu tóc rối bù, áo quần dơ bẩn, chân không mang dép la cà khắp nơi. Tánh tình anh lại xan tham, thô lỗ, ngu si không biết sĩ diện. Cho nên ai cũng khinh ghét, gọi anh là tên hung ác, không thèm nói chuyện. Trước tình trạng đó, anh đã không biết lỗi còn trở lại trách cứ mọi người. Trước hết anh oán cha mẹ, kế lại trách thầy bạn. Anh trách tổ tiên, thần linh không chịu giúp đỡ khiến anh ra nông nỗi này, có lẽ đến chỗ Phật nhờ giúp sẽ hưởng được phước.

Nghĩ xong, anh bèn đến chỗ Đức Phật làm lễ, rồi ra trước bạch rằng:

–Đạo của Đức Phật bao la, dung chứa tất cả. Nay con xin làm đệ tử, mong Phật chấp nhận.

Đức Phật bảo:

–Phàm người muốn cầu đạo, phải tu hạnh thanh tịnh. Nay ông mang những cấu nhiễm trần tục vào trong đạo, chỉ nhọc công nào có lợi ích gì! Chi bằng ông hãy trở về lo hiếu kính phụng thờ cha mẹ, hết lòng học hỏi thầy bạn, gắng sức gây dựng gia nghiệp trở nên giàu có yên vui, lấy lễ nghĩa để sửa mình, không làm những điều bất chánh. Ông hãy tắm gội ăn mặc sạch sẽ, cẩn thận lời nói hành động, giữ lòng chuyên nhất lo làm ăn, siêng năng tu sửa thì sẽ được mọi người yêu mến. Ông làm được những việc như thế mới có thể học đạo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Không đọc tụng: lời dơ  
Không siêng năng: nhà dơ  
Không trang nghiêm: sắc dơ  
Còn phóng dật: việc dơ.  
Keo bẩn dơ tuệ thí  
Bất thiện dơ thiện hạnh  
Ác pháp là vết dơ  
Đời này và đời sau.  
Dơ trong các thứ dơ  
Ngu si là hơn cả  
Tu học dứt ngu si  
Thành Tỳ-kheo vô cấu.*

Người đó nghe kệ tự biết mình trước đây kiêu mạn ngu si, vâng theo lời Phật dạy hoan hỷ trở về nhà. Anh từ đó luôn tư duy quán xét ý nghĩa của bài kệ để cải đổi lỗi lầm, làm lại cuộc đời. Anh trở nên biết hiếu thảo cha mẹ, tôn kính sư trưởng, siêng đọc kinh sách, gắng lo gia nghiệp, khép mình giữ giới không làm điều trái đạo. Do vậy, bà con làng xóm đều ngợi khen, tiếng lành đồn xa cả nước đều xem anh là người hiền.

Ba năm sau, anh trở lại chỗ Đức Phật, cúi mình đảnh lễ, thành khẩn bạch:

–Kính bạch Đức Thế Tôn, Bạc Thầy tôn kính chí chân đã độ con nên người, bỏ ác làm lành, trên dưới đều được an vui. Xin Ngài hãy rủ lòng Từ bi tiếp độ cho con được xuất gia học đạo.

Đức Phật đáp:

–Lành thay!

Râu tóc của người đó liền tự rụng thành tướng Sa-môn. Nhờ tư duy thiền quán lý Tứ đế, ngày càng nỗ lực tinh tấn, chẳng bao lâu người ấy đã chứng được quả A-la-hán.



M

Phẩm 29: PHỤNG TRÌ

Thí dụ 53:

Thuở xưa, có một vị Trưởng lão Bà-la-môn tên Tát-giá-ni-kiền, thông minh tài giỏi vào bậc nhất trong nước. Ông có năm trăm người đệ tử thường xuyên theo học. Do vậy cổng cao tự đại không xem thiên hạ ra gì. Ông thường lấy lá sắt mỏng quấn quanh bụng. Người ta ấy làm lạ hỏi, ông đáp:

–Tôi sợ trí tuệ tràn ra ngoài nên mới làm như thế!

Một hôm ông nghe có Phật ra đời, việc giáo hóa đạo hết sức thành công, nên sinh tâm đố kỵ, trần trọc không yên. Ông nói với các đệ tử:

–Ta nghe Sa-môn Cù-đàm tự xưng là Phật, nay ta sẽ đến đó hỏi những việc sâu xa vi diệu, khiến ông ta bối rối không biết đường trả lời.

Nói xong, ông cùng chúng đệ tử đến tinh xá Kỳ hoàn, đứng ở ngoài cổng. Từ xa, trông thấy từ dung Thế Tôn rực rỡ uy nghiêm như vầng mặt trời mới mọc, ông bỗng sinh tâm hoan hỷ xen lẫn kính sợ, liền rẽ đám đông đi thẳng đến trước Phật làm lễ. Đức Phật bảo ông ngồi. Ngồi xong, ông thưa với Phật:

–Cái gì gọi là đạo? Điều gì gọi là trí? Sao gọi là Trưởng lão? Sao gọi là đoan chánh? Sao gọi là Sa-môn? Sao gọi là Tỳ-kheo? Sao gọi là hiển minh? Sao gọi là có đạo? Sao gọi là vâng giữ giới? Nếu như Ngài trả lời được, tôi xin làm đệ tử.

Bấy giờ Đức Thế Tôn xét theo căn cơ của ông, dùng kệ đáp rằng:

*Thường từ mẫn hiếu học*

*Tâm chân chánh tu hành*

*Chỉ giữ gìn tuệ báu*

*Đây chính gọi là Đạo.*

*Gọi là người có chí*

*Không cần biện luận*

*Ai tự tại, vô úy*

*Làm lành là bậc Trí.*

*Gọi là bậc Trưởng lão*

*Không phải do tuổi cao*

*Thân già và tóc bạc*

*Hạng xuẩn ngu khác nào.*

*Ai noi theo chánh pháp*

*Từ bi, đạo đức cao*

*Sáng suốt lại thanh tịnh*

*Xứng đáng xưng Trưởng lão.*

*Người gọi là đoan chánh*

*Không phải đẹp như hoa*

*Không tham lam, tật đố*

*Nói và làm trái xa.*

*Ai bỏ được điều ác*

*Dứt tận đến nguồn cơn*

*Trí tuệ, không giận hờn*

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Mới là người đoan chánh.  
Gọi là bậc Sa-môn  
Không phải do cạo tóc  
Nếu vọng ngữ tham lam  
Khác chi hạng phàm tục?  
Ai dứt được điều ác  
Mở rộng đạo nhiệm mầu  
Tâm ý không vọng tưởng  
Chính thật bậc Sa-môn.  
Gọi là bậc Tỳ-kheo  
Không phải đi khất thực  
Tà hạnh không cúng thí  
Chỉ là cầu danh suông.  
Ai dứt bỏ tội nghiệp  
Thanh tịnh tu phạm hạnh  
Trí tuệ phá được ác  
Chính thật bậc Tỳ-kheo.  
Gọi là bậc Hiền minh  
Chẳng phải im không nói  
Nếu dụng tâm không khéo  
Làm dáng bên ngoài thôi.  
Ai giữ lòng vô vi  
Hạnh thanh tịnh, vô chấp  
Tâm bĩ thử vắng lặng  
Chính thật bậc Hiền minh.  
Gọi là bậc có đạo  
Không riêng cứu một ai  
Cứu giúp cho tất cả  
Không hại kẻ vô đạo.  
Người phụng trì chánh pháp  
Không phải tụng, nói nhiều  
Tuy là nghe học ít  
Biết y pháp hành trì  
Giữ đạo không quên lãng  
Đó là trì pháp tạng.

Tát-giá-ni-kiền và năm trăm đệ tử nghe kệ xong, tâm hoan hỷ khai ngộ, không còn kiêu mạn đều xuất gia làm Sa-môn. Riêng Ni-kiền phát tâm Bồ-tát, còn năm trăm đệ tử đều chứng quả A-la-hán.

### M

#### Phẩm 30: ĐẠO HẠNH

##### Thí dụ 54:

Thuở xưa, có một vị Bà-la-môn xuất gia học đạo từ nhỏ, đến năm sáu mươi tuổi vẫn chưa đắc đạo. Theo pháp Bà-la-môn, đến tuổi này chưa đắc đạo thì trở về lấy vợ

làm ăn. Ông này cũng như vậy, trở về lập gia đình, sinh được một đứa con trai khôi ngô đẽ mển. Lớn lên cậu ta tỏ ra thông minh hơn người, học hành giỏi giang, biện luận lưu loát. Đến năm bảy tuổi, vào một đêm cậu ta bỗng lâm bệnh nặng, đột ngột qua đời. Ông Bà-la-môn đau buồn khôn xiết, cứ phủ phục ôm xác con than khóc đến ngất đi tỉnh lại. Thân tộc thấy thế tìm lời khuyên ngăn, giành lấy xác đứa bé tẩm liệm rồi đem chôn ngoài thành.

Ông Bà-la-môn tự nghĩ: “Ta nay kêu khóc nào có ích gì? Chi bằng hãy đến chỗ vua Diêm-la đòi mạng con mình lại.” Nghĩ xong, ông tắm gội trai giới, chuẩn bị hành lý mang hương hoa rời nhà ra đi. Đến đâu ông cũng hỏi chỗ ở của vua Diêm-la, như thế cứ đi mãi suốt mấy ngàn dặm. Một hôm, ông đến một vùng núi sâu, gặp các Bà-la-môn đấng đạo hỏi thăm.

Các Bà-la-môn hỏi:

–Ông hỏi thăm chỗ vua Diêm-la là muốn cầu điều gì?

Đáp:

–Tôi có một con trai thông minh, biện bác hơn người. Thế mà gần đây nó bỗng chết mất, tôi đau thương buồn khổ, không sao quên được, nên muốn tìm đến chỗ vua Diêm-la xin lại mạng sống cho con để nhờ cậy lúc tuổi già.

Các Bà-la-môn thương ông lão ngu si, liền bảo:

–Chỗ vua Diêm-la người sống đâu thể đến được. Chúng tôi sẽ chỉ cách cho ông. Từ đây đi về hướng Tây hơn bốn trăm dặm có một con sông lớn. Trong đó có tòa thành là nơi dừng nghỉ của các Thiên thần khi đi tuần sát thế gian. Vua Diêm-la vào ngày mùng tám hàng tháng đi tuần sát sẽ ghé lại thành này. Ông trì trai giới đến đó vào ngày ấy sẽ gặp.

Vị Bà-la-môn vui mừng vâng theo lời dạy ra đi. Đến con sông lớn, ông thấy chính giữa có một tòa thành tráng lệ, cung điện nhà cửa trang nghiêm như cõi trời Đao-lợi. Ông đến trước cổng đốt hương, cầu nguyện được ra mắt vua Diêm-la và tha thiết trông chờ. Vua Diêm-la cho người đưa ông lão vào rồi hỏi ông có điều gì cầu thỉnh. Bà-la-môn thưa:

–Tôi đã già mới sinh được một đứa con trai, mong sau này sẽ nhờ cậy. Nuôi được bảy tuổi, không ngờ một hôm nó bỗng lâm bệnh chết mất. Xin Đại vương ban ân trả lại mạng sống cho con tôi.

Vua Diêm-la nói:

–Tốt lắm, con ông hiện đang chơi ở khu vườn phía Đông. Ông hãy đến dẫn nó về.

Vị Bà-la-môn liền đến nơi đó, trông thấy con mình đang chơi đùa cùng các đứa bé khác. Ông chạy lại ôm con khóc lóc nói: “Cha ngày đêm thương nhớ con, ăn ngủ không yên. Con có nhớ nghĩ đến cha mẹ đang đau khổ không?”

Đứa trẻ giật mình la lớn, trở lại quở ông: “Ông già si mê này không hiểu đạo lý. Tôi chỉ ở nhờ nhà ông chẳng bao lâu đã gọi là con! Đừng nói nhiều lời càn rỡ nữa, hãy sớm đi là hơn. Tôi ở chỗ này cũng có cha mẹ. Chúng ta chỉ tình cờ gặp gỡ, quyến luyến ôm ấp làm chi.”

Vị Bà-la-môn nghe vậy, buồn bã khóc lóc bỏ đi. Ông vừa đi vừa suy nghĩ: “Ta nghe Sa-môn Cù-đàm biết được đạo lý đời đời của thần thức, vậy thử đến hỏi xem.” Nghĩ xong, ông liền tìm đến chỗ Đức Phật. Bấy giờ Đức Thế Tôn đang trú tại tinh xá Kỳ hoàn nước Xá-vệ vì đại chúng thuyết pháp. Ông Bà-la-môn đến gặp Đức Phật liền cúi đầu đảnh lễ, trình bày đầu đuôi câu chuyện. Ông nói:

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Con tôi thật không chịu nhìn nhận tôi, trở lại bảo tôi là ông già si mê, ở tạm không bao lâu lại nhận làm con. Không một chút tình phụ tử như vậy, không biết là do duyên gì?

Đức Phật bảo:

–Ông quả thật ngu si! Khi người ta chết thân thức đi khỏi lại thọ thân mới. Cha mẹ vợ con chỉ là nhân duyên gặp gỡ, như khách trọ qua đêm, sáng thức dậy là chia tay. Thế mà chúng sinh lại ngu mê, chấp cho là thật. Sở dĩ có ưu bi khổ não là do không hiểu được cội gốc này, chìm đắm mãi trong sinh tử không ngày ra khỏi. Chỉ có bậc Trí tuệ không tham ân ái, giác ngộ khổ đế, dứt bỏ tập đế, siêng tu kinh giới, diệt trừ vọng tưởng chấm dứt sinh tử.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Người đời lo vợ con*

*Chẳng xét lẽ mất còn  
Cái chết bỗng chợt đến  
Như nước lũ cạnh bên.  
Cha con cứu không nổi  
Ai khác giúp được nào  
Mạng hết cậy người thân  
Như mù canh giữ bạc.  
Tuệ tri được ý này  
Nên tu trì kinh giới  
Siêng tu vượt thế gian  
Dứt trừ tất cả khổ.  
Xa lìa các sa đọa  
Như gió thổi mây tan  
Vọng tưởng đã lặng yên  
Tri kiến liền hiện tiền.  
Trí tuệ quý nhất đời  
Vui nơi đạo vô vi  
Nếu chánh pháp thọ trì  
Sinh tử chẳng còn chi.*

Vị Bà-la-môn nghe kệ xong, hoát nhiên khai ngộ, biết rõ ràng mạng sống vô thường, vợ con là khách, bèn phủ phục đảnh lễ xin làm Sa-môn.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Râu tóc ông liền tự rụng, pháp y đầy đủ, thành tướng Sa-môn. Ông tư duy ý nghĩa bài kệ, chấm dứt ân ái, không còn vọng tưởng, liền chứng quả A-la-hán ngay tại chỗ.

## M

### Phẩm 31: QUẢNG DIỄN

Thí dụ 55:

Thuở xưa, Đức Phật thuyết pháp giáo hóa tại nước Xá-vệ. Trời, rồng, quỷ, thần,

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

vua chúa, dân chúng mỗi ngày ba buổi đến đó nghe pháp.

Lúc ấy vua Ba-tư-nặc tánh tình kiêu mạn, phóng túng dục tình; mắt đắm theo sắc, tai mê theo tiếng, mũi ham hương thơm, miệng thỏa thê với năm vị, thân thọ dụng láng mịn. Do ăn uống cao lương mỹ vị không biết chán, nên vua ăn mỗi lúc một nhiều, cứ luôn nghe đói. Nhà bếp phải suốt ngày lo cho vua ăn. Do vậy, thân vua mỗi lúc một phì nộn, lên xe khó khăn, nằm ngồi bất tiện, luôn thở hổn hển. Có lúc vua nằm chết ngất một lát sau mới tỉnh. Vua cứ nằm ngồi than thở rên rỉ cho tấm thân nặng nề, xoay trở khó nhọc của mình. Cảm thấy thân là mối họa họa, vua bèn sai người thắt xe ngựa đến chỗ Phật. Đến nơi, người hầu đỡ vua xuống chào hỏi Phật, rồi vua ngồi xuống chấp tay bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, đã lâu không gặp, không được nghe lời dạy bảo của Ngài. Con không biết tội nghiệp gì mà thân thể tự nhiên phát phì. Nguyên do nào khiến như thế. Con luôn cảm thấy đau khổ về thân này và cũng lẽ đó mà không thường đến thăm Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

–Này Đại vương, người ta có năm việc khiến bị phát phì:

1. Ăn nhiều lần.
2. Ham ngủ.
3. Sung sướng.
4. Không lo buồn.
5. Rối rảnh.

Nếu muốn hết mập, ông hãy bớt ăn, sống đạm bạc rồi sau sẽ gầy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Ta phải luôn tỉnh giác  
Khi ăn biết tiết độ  
Giữ kham khổ đạm bạc  
Sẽ gầy và sống lâu.*

Vua nghe kệ xong vô cùng hoan hỷ, bèn gọi người nấu bếp đến bảo:

–Ông hãy ghi nhớ bài kệ này, đọc cho ta nghe trước khi dọn ăn mỗi bữa.

Vua từ già Đức Phật về cung. Người đầu bếp trước khi dọn thức ăn luôn đọc kệ nhắc vua. Vua nghe kệ, mỗi bữa giảm bớt một muống. Do ăn mỗi ngày một ít, thân vua cũng lần lần nhẹ nhàng, gầy lại như cũ. Vua thấy vậy rất vui mừng, nhớ đến Đức Phật bèn đi bộ đến tinh xá. Đức Phật mời vua ngồi, rồi hỏi:

–Xe ngựa và người tùy tùng ở đâu, sao vua lại đi bộ?

Vua hoan hỷ trả lời:

–Trước đây con được nghe Phật dạy, đã phụng hành như pháp. Thân thể giờ được nhẹ nhàng là nhờ ân Đức Thế Tôn. Hôm nay con đi bộ đến tinh xá xem thử thế nào.

Đức Phật nói với vua:

–Người đời không biết lẽ vô thường, cứ đắm mình trong tình dục không biết làm phước. Khi chết thân thức ra đi, thân xác để nơi phần mộ. Vì vậy người trí nuôi dưỡng tinh thần, kể ngu cung dưỡng huyễn thân. Nếu hiểu được lẽ này sẽ biết tu theo Thánh giáo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Người không chịu học  
Già như là bò đực*

*Chỉ lớn thịt xương  
Không chút trí tuệ.  
Sinh tử nhàm chán  
Qua lại gian nan  
Tham đắm chấp thân  
Đau khổ buộc ràng.  
Người trí thấy khổ  
Nên bỏ chấp thân  
Dứt ý, đoạn dục  
Ái hết không sinh.*

Vua nghe kệ hoan hỷ hiểu rõ, liền phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Vô số người nghe đắc được pháp nhãn.

## M

### Phẩm 32: ĐỊA NGỤC

#### Thí dụ 56:

Thuở xưa, ở nước Xá-vệ có một thầy Bà-la-môn tên Phú-lan-ca-diếp. Ông đi đâu cũng có năm trăm đệ tử theo sau, được vua chúa và dân chúng thờ kính.

Lúc đó Đức Phật mới thành đạo, cùng các đệ tử từ thành La-duyệt-kỳ đến Xá-vệ. Đức Phật tướng hảo quang minh, việc hoằng pháp được rộng rãi tốt đẹp, vua và nhân dân ai cũng thờ kính.

Phú-lan-ca-diếp thấy vậy sinh lòng tật đố muốn hủy báng Đức Thế Tôn để một mình hưởng sự cung kính. Ông bèn dẫn đệ tử đến ra mắt vua Ba-tư-nặc rồi thưa:

–Hàng Trưởng lão chúng tôi đã tu học với những bậc thầy trước đây ở nước này. Còn Sa-môn Cù-đàm chỉ là kẻ ra đời cầu đạo sau. Ông ta thật sự không có Thần thông thánh đức, chỉ tự xưng là Phật mà thôi. Thế mà vua bỏ chúng tôi thờ phụng ông ta. Nay tôi muốn cùng Phật so thử đạo hạnh xem ai hơn. Người nào hơn, vua hãy trọn đời kính thờ.

Vua nói:

–Tốt lắm.

Vua liền cho xa giá đến chỗ Phật, làm lễ xong bạch:

–Phú-lan-ca-diếp muốn cùng Đức Thế Tôn thi đua đạo lực, thần thông biến hóa. Không biết tôn ý như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Được, vua hãy hẹn với ông ta bảy ngày sau sẽ so thần thông.

Vua bèn cho dựng hai tòa cao bốn mươi trượng, thất bảo trang nghiêm, treo đầy tràng phan, xếp chỗ ngồi chính tề nơi khoảng đất rộng bằng phẳng phía Đông kinh thành. Khoảng giữa hai tòa cách nhau hai dặm, chúng đệ tử hai bên đều ngồi dưới tòa bên mình.

Ngày ấy, vua và quần thần, nhân dân vân tập đầy đủ để xem cuộc thi thần thông này.

Bấy giờ Phú-lan-ca-diếp và các đệ tử đến trước. Ông bước lên thang để đăng tòa. Có một vị vua quý thần tên là Bàn Sư thấy bọn ông này hư vọng tật đố, bèn nổi gió lớn thổi vào tòa cao. Tọa cụ văng xa, tràng phan đứt tung. Cát bay đá chạy không

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

sao mở mắt ra nổi. Còn bên tòa ngời của Đức Thế Tôn vẫn lặng yên bất động. Đức Phật cùng đại chúng ung dung theo thứ tự tới, vừa tiến đến tòa cao là đã nghiêm nhiên ngồi trên tòa rồi. Chúng Tăng lặng lẽ ngồi vào chỗ.

Vua và quần thần càng thêm kính ngưỡng, đánh lễ bạch Đức Phật rằng:

–Xin Đức Thế Tôn hãy hiện thân thông, hàng phục tà kiến khiến nhân dân được sáng suốt tín ngưỡng Chánh đạo.

Đức Thế Tôn đang ngồi trên tòa bỗng nhiên biến mất, hiện trên hư không phóng ánh sáng lớn, ẩn bên Đông lại hiện bên Tây, bốn phương đều như vậy, trên thân phun ra nước, dưới thân phun ra lửa, rồi lại thay đổi. Thế Tôn nằm ngồi trên không, hiện ra mười hai phép biến hóa rồi bỗng nhiên biến mất, trở lại tòa ngời. Thiên, Long, Quỷ thần rải hoa, đốt hương cúng dường, tiếng tán thán vang động khắp đất trời. Phú-lan-ca-diếp tự biết mình không có đạo hạnh, cúi đầu hổ thẹn không dám ngó ai.

Bấy giờ Kim Cang Lực sĩ giơ chày Kim Cang lên, đầu chày phóng ra lửa để nhắc ông sao không hiện thân thông đi. Phú-lan-ca-diếp kinh sợ, vội leo xuống tòa bỏ đi. Năm trăm đệ tử cũng tản mác đi hết.

Đức Thế Tôn vẫn an nhiên bình thản trở về tinh xá Kỳ thọ Cấp cô độc viên. Vua và quần thần đại chúng đều hoan hỷ giã từ ra về.

Nói đến Phú-lan-ca-diếp và các đệ tử mang nhục ra đi, giữa đường họ gặp một cụ bà Ưu-bà-di tên Ma-ni. Bà lão lại mắng cho họ một trận: “Các ông ngu si không biết tự xét lại muốn tranh hơn đạo hạnh với Đức Phật. Thật là một bọn giả dối không biết hổ thẹn, còn mặt mũi nào sống trên đời nhìn ai!

Phú-lan-ca-diếp vì thẹn với các đệ tử nên khi đến bờ sông bảo với chúng:

–Ta nay nhảy xuống đây ắt sẽ sinh lên cõi Phạm thiên. Nếu thấy ta không trở lên, thì biết ta đã hưởng cảnh vui nơi đó.

Các đệ tử đợi mãi vẫn không thấy lên, nên bàn với nhau:

–Thầy ta đã sinh Thiên rồi, chúng ta còn chờ gì nữa.

Rồi họ từng người một nhảy xuống sông mong được theo thầy. Không ngờ tất cả đều do tội nghiệp phải bị đọa xuống địa ngục.

Hôm sau vua nghe việc tự sát này, hết sức kinh ngạc vội đến chỗ Đức Phật, bạch:

–Thầy trò Phú-lan-ca-diếp ngu mê, không biết do duyên gì mà lại tự sát như thế?

Đức Phật nói với vua:

–Thầy trò Phú-lan-ca-diếp có hai trọng tội: Một là ba độc tham, sân, si lừng lẫy, tự xưng đấng đạo. Hai là hủy báng Như Lai mong được cung kính. Do hai tội trên nên họ phải đọa vào địa ngục. Vì tội nghiệp thúc đẩy khiến họ tự nhảy xuống sông. Thân chết, thần thức ra đi chịu khổ vô lượng. Cho nên người trí thu nhiếp tâm mình, trong không khởi ác, ngoài không tạo tội. Ví như tòa thành ngoài biên ải sát bên kẻ địch, nếu phòng bị chắc chắn sẽ không sợ hãi. Dân bên trong an ổn thì giặc ngoài không cách gì vào được. Người trí tự phòng hộ cũng giống như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Vọng chứng Thánh cầu lợi*

*Hạnh bất chánh dối đời*

*Ganh gièm kẻ hơn mình*

*Bị đời, lừa chúng sinh*

*Tội dẫn hạnh vị ấy*

*Rơi hố dữ bỏ mình.*

*Như giữ thành biên ải  
Kiên cố trong lân ngoài  
Giữ tâm mình thanh tịnh  
Phi pháp chẳng để sinh  
Nếu giới hạnh kém thiếu  
Địa ngục thọ khổ hình.*

Đức Phật nói kệ xong, lại kể với vua:

–Thuở quá khứ có hai con khỉ chúa, mỗi con có bảy đàn năm trăm con. Một con khỉ chúa vì ghen ghét có ý muốn giết con kia để mình cai trị tất cả, cho nên nó gây chuyện đánh nhau. Đã đánh nhau nhiều lần mà vẫn không thắng, nó hổ thẹn rút lui đến một eo biển. Nơi đây bọt nước được gió thổi tích tụ cao mấy trăm trượng. Khỉ chúa này ngu si cho là núi tuyết, bèn nói với bảy khỉ rằng: “Từ lâu nghe nói trong biển có núi tuyết, nơi đó vui vẻ, quả ngọt rất nhiều mặc tình hái ăn, ngày nay ta mới trông thấy. Vậy để ta qua đó trước xem sao. Nếu ta thấy quả thật vui sướng sẽ ở đó luôn, còn không sẽ trở lại bảo với các người.”

Nói xong, nó leo lên một cây cao, dùng hết sức nhảy sang. Kết quả nó rơi vào đồng bọt nước rồi chết chìm dưới biển.

Những con còn lại không thấy khỉ chúa quay về, tưởng là chỗ đó vui lắm nên lần lượt nhảy sang chết chìm cả lũ.

Kể xong, Đức Phật bảo với vua:

–Con khỉ chúa tạt đổ thuở đó nay chính là Phú-lan-ca-diếp. Bảy đàn của nó là năm trăm đệ tử của ông ấy ngày nay. Còn khỉ chúa còn lại chính là thân Ta. Phú-lan-ca-diếp đời trước đã ôm lòng tạt đổ, bị tội nghiệp lôi kéo đã nhảy vào đám bọt nước khiến chết cả bảy. Ngày nay ông ấy lại phỉ báng Đức Như Lai, rốt cuộc cả bọn lại nhảy xuống sông chết chìm. Nghiệp tội xui khiến như thế, nhiều kiếp mà vẫn chưa hết.

Nhà vua nghe xong, tin hiểu rồi làm lễ ra về.

## M

### Thí dụ 57:

Thuở xưa có bảy vị Tỳ-kheo vào núi học đạo. Trải qua mười hai năm mà họ vẫn chưa đắc đạo, nên bàn với nhau:

–Học đạo thật khó, phải hủy bỏ hình hài, giữ lấy tiết tháo, chịu đựng nóng lạnh, trọn đời khát thực chịu nhục đủ điều. Rốt cuộc đạo không đắc, tội nghiệp vẫn còn nguyên, chỉ luống tự lao nhọc, bỏ mạng trong núi. Chi bằng chúng ta hãy trở về nhà làm ăn, lấy vợ sinh con, lo làm giàu để hưởng sung sướng sau này ra sao thì ra.

Bàn xong, bảy người cùng rời khỏi núi. Đức Phật ở xa biết họ có thể hóa độ. Nếu không nhẫn được cái khổ nhỏ, họ sẽ đọa vào địa ngục thật đáng tiếc thương. Đức Phật liền hóa ra một vị Sa-môn đứng ngay ở đầu khe núi. Bảy người ra đi liền gặp. Hóa Sa-môn hỏi:

–Các vị tu hành đã lâu sao lại bỏ núi đi?

Bảy người đáp:

–Học đạo cực khổ mà không nhỏ được gốc tội, việc khát thực thọ nhục khó nhẫn. Lại nữa trong núi không ai cúng dường, bao năm chặt vật, luôn sống thiếu thốn, chỉ cực khổ suông mà không đắc đạo. Nên chúng tôi muốn về nhà làm ăn thật giàu



có, rồi già mới tu lại.

Hóa Sa-môn nói:

–Hãy thôi! Hãy thôi! Nghe tôi nói đây. Mạng người vô thường sớm còn tối mất, học đạo tuy khó, trước khổ sau vui. Gia nghiệp khó khăn muôn kiếp khó dứt. Nếu mong cùng vợ con sum họp hưởng lạc, mong sung sướng mãi không gặp tai họa thì khác nào trị bệnh mà uống độc dược, chỉ nặng thêm không chút thuyên giảm. Trong ba cõi có thân là có ưu não, chỉ có giữ tròn giới hạnh, không phóng dật tinh tấn tu hành, chứng được đạo quả mới chấm dứt tất cả khổ.

Bấy giờ hóa Sa-môn liền hiện lại tướng Phật, hào quang rực rỡ nói kệ:

*Tu khó, hết tội khó  
Ở nhà cũng khó khăn  
Sum họp hưởng lợi khó  
Gian nan nhất: có thân.  
Tỳ-kheo khát thực khó  
Đâu thể không gắng công  
Tinh tấn đến tột tại  
Suốt đời không phiền ai.  
Có tín, thành tựu giới  
Từ giới, pháp bảo sinh  
Nhờ đó sống an ổn  
Được cung kính cúng dường.  
Ngồi, nằm hay đi, đứng  
Không phóng dật tinh cần  
Luôn chánh tâm giữ đạo  
An vui sống núi rừng.*

Lúc ấy bảy vị Tỳ-kheo thấy thân tướng Phật, lại nghe kệ này nên hết sức hổ thẹn, run sợ vội quỳ mọp sát đất lễ dưới chân Phật, hết lòng sám hối rồi lễ Phật ra đi. Họ trở vào núi, dốc lòng công phu tinh tấn tu tập, tư duy ý nghĩa bài kệ trên, chánh tâm chuyên nhất, an trú tịch diệt, chứng quả A-la-hán.

## M

### Phẩm 33: TƯỢNG

#### Thí dụ 58:

Thuở xưa, lúc La-vân chưa đắc đạo, tánh tình thô tháo, lời nói không thành thật. Đức Phật sai La-vân đến ở tinh xá Hiền đề nhiếp tâm gìn giữ khẩu nghiệp, siêng tu học theo kinh giới. La-vân y giáo làm lễ ra đi. Nơi đó, La-vân suốt chín mươi ngày hổ thẹn tinh cần sám hối. Đức Phật đến thăm, La-vân hoan hỷ ra lễ Phật, rồi bày giường dây thính Phật nghỉ ngơi.

Đức Phật ngồi trên giường dây rồi bảo La-vân:

–Ông hãy lấy chậu múc nước cho Ta rửa chân.

La-vân vâng lời làm theo. Rửa chân xong, Đức Phật hỏi:

–Này La-vân, con có thấy nước đã rửa chân ở trong chậu không?

La-vân đáp:

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật hỏi tiếp:

– Nước này còn có thể dùng ăn uống, súc miệng nữa không?

La-vân lại đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, không thể. Nước này vốn sạch, giờ đã rửa chân chứa đầy bùn đất, cho nên không thể dùng.

Đức Phật liền dạy:

–Này La-vân, ông cũng như vậy. Ông tuy là con ta, cháu của quốc vương, xả bỏ vinh hoa thế lợi, xuất gia làm Sa-môn, nhưng không tinh tấn nhiếp phục thân khẩu, bụi nhơ tam độc đầy ấp trong lòng, khác nào nước dơ trong chậu không dùng được nữa.

Đức Phật lại sai đồ nước dơ đi, rồi hỏi:

–Này La-vân, chậu nước dơ đã đổ đi, vậy chậu nước không này có thể dùng đựng thức ăn được chăng?

La-vân đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, không thể, chậu này đã mang tên chậu rửa chân từng đựng đồ dơ cho nên không thể.

Phật lại dạy:

–Này La-vân, ông cũng như vậy, tuy là Sa-môn mà lời nói không thành tín, tâm tánh ương bướng không chịu siêng tu. Ông đã từng mang tiếng xấu như cái chậu rửa chân kia không thể đựng được thức ăn.

Đức Phật lại dùng ngón chân hất chậu văng đi, tung lên rơi xuống mấy cái, quay tròn mấy vòng rồi mới dừng lại.

Đức Phật hỏi:

–Này La-vân, ông có tiếc chậu rửa chân, sợ nó bị vỡ không?

La-vân đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, đồ rửa chân là vật rẻ tiền, trong lòng có uống nhưng không tiếc rẻ lắm.

Đức Phật dạy:

–Này La-vân, ông cũng như vậy, tuy làm Sa-môn mà không gìn giữ thân khẩu, nói năng thô tháo, ác khẩu làm thương tổn đến người khác. Cho nên mọi người không yêu mến, bậc Trí không tiếc thương. Khi thân chết, thần thức đi khỏi phải luân hồi trong ba đường dữ, chịu sinh tử khổ não vô lượng. Chư Phật, Hiền thánh đều không thương tiếc ông, như ông nói không thương tiếc chậu rửa chân.

La-vân nghe nói hổ thẹn sợ hãi. Đức Phật lại nói:

–Này La-vân, hãy nghe Ta kể thí dụ:

Xưa có một vị vua nuôi được một con voi lớn dũng mãnh, giỏi xông pha trận mạc. Tính ra sức của nó còn mạnh hơn năm trăm con voi nhỏ gộp lại.

Một hôm, vua nước đó muốn hưng binh đánh vua nước đối nghịch. Vua cho voi mặc một tấm giáp sắt. Quản tượng bảo vệ voi, cột vào hai ngà là hai thanh giáo, cột vào hai tai là hai thanh kiếm rồi bốn chân cũng buộc vào bốn lưỡi đao cong, đuôi cũng buộc một cây mác sắt. Chín món binh khí buộc vào mình voi đều rất bén nhọn. Song voi phải rút vòi vào trong, giấu kín vì đây là nơi mềm mại, hiểm yếu nếu trúng tên sẽ chết. Voi không được phép vươn vòi ra để chiến đấu. Người lính quản tượng rất mừng vì voi được bảo vệ chu đáo.

Khi ra trận, voi xông pha không ngại làn tên mũi đạn. Song chiến đấu một hồi

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

lâu, voi bỗng vươn vòi đòi kiếm. Người quản tượng không cho. Hãy nghĩ xem con voi mạnh tợn kia không biết tiếc thân mạng hăng máu vươn vòi ra đòi kiếm gắn vào vòi để chiến đấu. Vua và quần thần tiếc con voi lớn này nên không cho nó ra trận nữa.

Đức Phật bảo La-vân:

–Người ta dẫu phạm chín điều ác, duy phải giữ gìn cửa miệng. Cũng như con voi lớn kia phòng hộ cái vòi không dùng chiến đấu. Voi giữ vòi vì sợ trúng tên chết, còn người giữ miệng vì sợ đau khổ của ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Người không phòng hộ miệng phạm đủ mười điều ác, như con voi kia không kể mạng, không sợ trúng tên mới vươn vòi ra chiến đấu.

Người ta cũng vậy, phạm đủ mười điều ác do không nghĩ đến đau khổ trong ba đường. Thực hành Thập thiện, thu nhiếp thân, khẩu, ý, không phạm bất cứ điều ác nào có thể đắc đạo xa hẳn ba đường dữ, không còn tai họa sinh tử.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Ta như voi chiến  
Không sợ rùng tên  
Giữa hạng phá giới  
Độ họ tin thành.  
Như voi đã điều  
Vua vờ ý cõi  
Người điều phục quý  
Nhờ giữ tin thành.*

La-vân nghe được những lời dạy bảo ân cần tha thiết của Đức Phật vô cùng cảm kích, tự khích lệ ghi nhớ mãi không quên. Từ đó tâm ông trở nên nhu hòa nhẫn nhục như đất. Ông tinh tấn tu hành, thức tướng vắng lặng chứng quả A-la-hán.

## M

### Thí dụ 59:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá Kỳ thọ thuộc nước Xá-vệ vì bốn bộ đệ tử, trời rồng quỷ thần, vua chúa quan dân diễn nói chánh pháp. Lúc đó có một vị trưởng giả cư sĩ tên là Ha-đề-đàm đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ ra mắt xong rồi quỳ xuống chấp tay bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, con từ lâu đã thừa ân giáo hóa, mong được đến hầu cận ra mắt tôn nhan. Song vì việc riêng bó buộc, nên giờ đây mới đến được. Xin Ngài từ bi tha thứ.

Đức Phật bảo ông ngồi xuống, hỏi thăm từ đâu đến, tên họ là gì.

Trưởng giả quỳ đáp:

–Con vốn gốc cư sĩ, tên là Ha-đề-đàm. Lúc trước làm nghề huấn luyện voi cho tiên vương.

Đức Phật hỏi:

–Này cư sĩ, phép huấn luyện voi có mấy việc?

Đáp:

–Thường có ba việc để điều phục voi lớn. Ba việc đó là:

1. Dùng móc thép móc vào miệng, rồi khớp dây dàm vào.
2. Cho nó ăn ít, thường để bị đói.

3. Dùng gậy đánh nó thật đau.

Do ba việc này có thể điều phục được voi.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

–Ba việc trên có tác dụng gì?

Vị ấy đáp:

–Dùng móc thép móc vào miệng để chế phục sự cương cứng. Không cho ăn uống để thân thể suy yếu, dễ dạy. Còn đánh đập chính là để chế phục tâm nó. Nhờ vậy mà điều phục được voi.

Đức Phật lại hỏi:

–Điều phục voi như vậy dùng để làm gì?

Vị ấy đáp:

–Điều phục voi rồi có thể để vua cỡi, cũng có thể để ra trận. Ta có thể điều khiển nó tới lui không có gì trở ngại.

Đức Phật lại hỏi:

–Chỉ có cách này, còn có cách điều phục nào khác không?

Vị ấy đáp:

–Cách điều phục voi chỉ như vậy thôi.

Đức Phật bảo:

–Này cư sĩ, ông có thể điều phục voi, vậy có thể tự điều phục mình được không?

Vị cư sĩ đáp:

–Con không biết ý nghĩa tự điều phục mình như thế nào, xin Đức Thế Tôn giảng nói chỗ chưa được nghe.

Đức Phật dạy:

–Này cư sĩ, Ta cũng có ba việc dùng để điều phục tất cả mọi người và dùng để tự điều phục mình đến được vô vi.

1. Lấy chí thành điều phục khẩu nghiệp.

2. Lấy từ bi trong sạch điều phục tâm cương cứng.

3. Lấy trí tuệ diệt trừ ngu si che ngăn của ý chí.

Hành trì ba việc này sẽ độ thoát tất cả, lìa ba đường ác, tự đến vô vi, không còn sinh tử ưu bi khổ não.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Như voi tên Hộ tài*

*Khó kiềm chế hung hăng  
Khớp miệng chẳng cho ăn  
Vẫn khăng khăng nét cũ.  
Ý điều phục thuần thực  
Thường hành hạnh an vui  
Hàng phục hết kết sử  
Như voi thuần nhờ móc.  
Vui đạo, không phóng dật  
Thường phòng hộ tự tâm  
Sẽ nhờ được thân khổ  
Như voi ra khỏi hầm.  
Tuy thường điều voi  
Mới cỡi đã luyện*

*Voi loại giỏi nhất  
Không bằng tự điều.  
Voi không thông thả  
Là người chưa đạt  
Làm người tự điều  
Mới đạt điều thuật.*

Cư sĩ nghe kệ xong vô cùng hoan hỷ, buông bỏ tình tưởng, đắc được pháp nhãn. Vô số người nghe pháp cũng được thấy đạo.

M

Phẩm 34: ÁI DỤC

Thí dụ 60:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá trên núi Kỳ-xà-quật tại thành La-duyệt-kỳ, vì trời, người, quỷ, thần chuyển đại pháp luân. Lúc ấy, có một người bỏ nhà cửa, vợ con đến chỗ Đức Phật đánh lễ xin làm Sa-môn. Đức Phật hứa khả. Xuất gia xong, Đức Phật dạy ông ngồi dưới một cội cây, thiền quán chánh pháp. Vị Tỳ-kheo vâng lời vào trong rừng sâu cách tinh xá hơn trăm dặm, ngồi một mình dưới một gốc cây thiền tư suốt ba năm. Song tâm ông không kiên cố, có ý muốn trở về. Ông tự nghĩ: “Mình bỏ nhà học đạo cực khổ, chi bằng sớm trở về nhà ở với vợ con.”

Nghĩ xong, ông bèn đi ra khỏi núi. Đức Phật với Thiên nhân trông thấy việc này. Ngài xét thấy ông này đáng lẽ đắc đạo mà ngu si không biết lại muốn trở về nhà. Ngài liền hóa thành một vị Sa-môn, đi ngược lại gặp mặt vị đó. Ngài hỏi:

–Ông từ đâu ra đây? Chỗ này có đất bằng phẳng, chúng ta nên nghỉ ngơi cùng nhau trò chuyện.

Bấy giờ hai người cùng ngồi nghỉ ngơi trò chuyện. Vị Tỳ-kheo bảo với Hóa nhân:

–Tôi bỏ nhà cửa vợ con, xuất gia tu học trong núi sâu này nhưng không đắc đạo. Xa cách vợ con mà không đạt thành chí nguyện, luống mất mệnh vận cuộc đời, cực khổ vô ích. Nay tôi hối hận muốn trở về với vợ con, hưởng nhân vui trước đã, rồi sau mới tính.

Một lát sau, họ thấy một con khỉ già từ lâu đã lánh xa rừng cây ra sống giữa khoảng đất trống.

Hóa Sa-môn hỏi Tỳ-kheo:

–Con khỉ này vì sao sống một mình nơi khoảng đất trống. Sao nó lại thích nơi không có cây cối?

Vị Tỳ-kheo đáp:

–Tôi đã từ lâu để ý thấy nó vì hai việc nên đến chỗ này.

1. Nó vì vợ con bầu đàn đông đúc không thể ăn uống đầy đủ, thỏa ý.

2. Ngày đêm nó phải leo trèo, gót chân thường xuyên bị thương khó chịu.

Do hai việc này nên nó bỏ rừng cây, ra đất trống sống.

Hai người nói chuyện, một lát sau lại thấy con khỉ này trở lại rừng cây, leo lên ngọn.

Hóa Sa-môn hỏi:

–Ông có thấy con khỉ trở lại rừng cây không?

Đáp:

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Có thấy, con khỉ này ngu si, đã xa lìa được rừng cây, bầy đàn quấy nhiễu, vậy mà nó không biết nhàm chán phiền nhọc còn trở lại nơi đó lần nữa!

Hóa Sa-môn nói:

–Ông cũng như vậy, cùng nó khác gì? Ông vốn vì hai việc mà vào núi tu học.

1. Vì thấy vợ con nhà cửa là lao ngục.

2. Vì thấy bà con quyến thuộc là gông cùm ràng buộc.

Ông vì việc đó mà cầu đạo dứt khổ sinh tử, thế mà nay lại muốn về nhà chịu ràng buộc trong gông cùm phiền não, vào ngục tù ân ái dẫn đến địa ngục.

Hóa Sa-môn hiện lại thân Phật một tướng sáu, tướng hảo quang minh tỏa sáng làm cảm động tất cả các loài trong núi. Các loài chim bay thú chạy đều tìm theo ánh sáng mà đến, biết được túc mạng, trong lòng hối lỗi.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Như cây rễ sâu chắc*

*Dầu chặt vẫn đâm cành*

*Tâm ái chưa dứt tuyệt*

*Khổ não lại phát sinh.*

*Như khỉ xa rừng cây*

*Ra rồi trở lại đấy*

*Người thoát tù ân ái*

*Còn trở lại chỗ này!*

*Tham ý luôn hưng khởi*

*Đầy tập nhiễm kiêu căng*

*Tưởng nhớ điều dâm dục*

*Mê tối, tự che ngăn.*

*Mọi ý tưởng miên man*

*Ái kết: cỏ bò lan*

*Chỉ trí tuệ thấy rõ*

*Dứt nguồn ý, mới an.*

*Người đắm chìm trong ái*

*Vọng tưởng miên man hoài*

*Già chết mãi vẫn xoay*

*Do ái sâu không đáy.*

Vị Tỳ-kheo thấy quang tướng rực rỡ của Đức Phật, lại nghe lời kệ nên hết sức kinh sợ, vội quỳ mọp sát đất sám hối lỗi lầm. Ông lại tư duy thiền định chứng quả A-la-hán ngay trước Đức Phật. Chư Thiên đến nghe đều hoan hỷ, rải hoa cúng dường hết lời tán thán.

## M

### Thí dụ 61:

Thuở xưa có một nước cách phía Nam thành La-duyệt-kỳ bốn ngàn dặm. Nước này phụng thờ mấy ngàn vị tu sĩ Bà-la-môn. Lúc ấy, trong nước có hạn lớn suốt ba năm không mưa. Nhà vua cầu đảo quỷ thần khắp các chỗ vẫn không kết quả. Vua bèn hỏi các Bà-la-môn đây là do nguyên nhân gì. Các vị ấy nói:

–Chúng tôi sẽ trai giới thanh tịnh, rồi sai người tiếp xúc Phạm thiên hỏi xem tai

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

nạn này do đâu.

Vua đáp:

–Tốt lắm! Trai giới cần gì xin cho tôi biết.

Các Bà-la-môn nói:

–Cần phải dùng hai mươi cỗ xe củi, tô mật, dầu mỡ, hương hoa phan lọng, vàng bạc, đồ tế...

Vua liền cho người sắm sửa cung cấp đầy đủ. Các Bà-la-môn ra khoảng đất trống cách thành bảy dặm chất củi cao như núi. Rồi họ khuyến khích rằng ai không tiếc mạng sống khi chết sẽ được sinh Thiên. Họ chọn bảy người chịu tự thiêu để lên trời Phạm thiên.

Bảy người sau khi cúng tế, chú nguyện xong leo lên đống củi. Bên dưới mọi người đốt lửa thiêu chết họ. Khói lửa bốc lên, sức nóng bức ngạt, bảy người sợ hãi cầu cứu song không có ai. Họ mới cất tiếng kêu:

–Có đức Đại từ bi nào trong tam giới thương xót cứu chúng tôi thoát khỏi khổ nạn này, chúng tôi xin quy y vị đó.

Đức Phật ở xa hay biết, theo tiếng đến cứu. Ngài ở trên hư không hiện tướng hảo quang minh. Bảy người thấy Phật, buồn vui lẫn lộn hướng về Đức Phật nói:

–Chúng con nguyện quy y Ngài, xin hãy cứu khổ nóng bức cho chúng con.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Quy y nhiều Thân*

*Núi, sông, cây cỏ*

*Dựng tượng cúng thờ*

*Cầu phước Thần ban,*

*Quy y như vậy*

*Chẳng tốt, chẳng cao*

*Quý thần nào đến*

*Cứu hết khổ ương.*

*Nếu ai quy y*

*Phật, Pháp, chúng Tăng*

*Quán lý Tứ đế*

*Ắt đạt chánh tuệ.*

*Sinh tử rất khổ*

*Nương đạo, giải thoát*

*Vượt tám thế nạn*

*Hết khổ, thành thoi.*

*Quy y Tam tôn*

*Tối thượng, tối lành*

*Con đường duy nhất*

*Vượt thoát mọi khổ.*

Đức Phật nói kệ xong, lửa liền tắt ngấm. Bảy người được an ổn, hết sức vui mừng.

Các Bà-la-môn và nhân dân trong nước thấy thế kinh ngạc ngưỡng mộ. Đức Thế Tôn bèn hiện thị thần thông, phân thân biến hóa, ẩn bên đây hiện bên kia một cách tự tại. Trên thân phun ra nước lửa, ánh sáng năm màu. Mọi người trông thấy đều mọp mình quy mạng. Bảy giờ bảy người đã từ trên đống củi leo xuống, buồn vui xen lẫn nói lên kệ:

## LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Vui thay, gặp Bậc Thánh!  
Vui thay, được nương tựa!  
Xa được kẻ ngu muội  
Tu thiện hạnh phúc thay!  
Giữ chánh kiến thật vui  
Thuyết pháp cho nhau vui  
Với đời không tranh chấp  
Giới trọn thường an vui.  
Ở với hiền nhân vui  
Như sống chung ruột rà  
Thân cận Bậc Bi Trí  
Hiểu biết càng cao xa.*

Bấy giờ bảy người nói kệ xong, cùng với các Bà-la-môn xin làm đệ tử Phật. Đức Phật hứa khả. Họ đều xuất gia chứng quả A-la-hán. Vua quan nhân dân đều phát tâm tu hành.

Kế đó trời mưa lớn, đất nước trù phú, nhân dân ấm no, chánh pháp phổ biến, ai cũng hoan hỷ tu học.

